

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Số: 111 /TNB

V/v công bố thông tin báo cáo tài chính
đã được kiểm toán năm 2016

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSW.
3. Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
4. Điện thoại: (0710) 3765 080; Fax: (0710) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.
Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0710) 3765 079 Fax: (0710) 3765 078.
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ lập ngày 15/02/2017 gồm Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo Kiểm toán Độc lập, BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT, TMBCTT.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://psw.vn/>.
Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P. TCKT, P.KH-ĐT, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ BAN
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

M.S.P.

M.S.P.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

11/9/2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quý Hiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016)
Ông Phạm Văn Quý	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Hiến	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Hoàng Văn Nhã	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016)
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Hiến	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016)
Ông Lê Kiên Định	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11/01/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

2
IG
IEI
O
T
A
E

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lan Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0898-2013-001-1

11/01/2017

11/01/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.681.689.364	293.608.977.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	187.278.876.818	168.036.031.448
1. Tiền	111		10.278.876.818	7.036.031.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		177.000.000.000	161.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.400.040.398	49.412.951.482
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.145.687.319	26.457.297.136
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.531.964.190	22.627.391.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	722.388.889	328.263.346
III. Hàng tồn kho	140	9	6.986.932.533	75.991.386.593
1. Hàng tồn kho	141		6.986.932.533	77.956.811.280
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.965.424.687)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.839.615	168.608.180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.839.615	168.608.180
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.818.115.801	45.318.492.151
I. Tài sản cố định	220		31.796.677.697	34.790.325.895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.684.114.493	18.874.355.770
- Nguyên giá	222		35.784.928.243	33.952.453.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.100.813.750)	(15.078.098.067)
2. Tài sản cố định vô hình	227		16.112.563.204	15.915.970.125
- Nguyên giá	228		16.114.370.125	15.915.970.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.806.921)	-
II. Bất động sản đầu tư	230	11	10.116.541.105	10.277.676.826
- Nguyên giá	231		11.480.389.000	11.480.389.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.363.847.895)	(1.202.712.174)
III. Tài sản dài hạn khác	260		904.896.999	250.489.430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		904.896.999	250.489.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		259.499.805.165	338.927.469.854

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.750.638.854	123.918.011.559
I. Nợ ngắn hạn	310		45.750.638.854	123.918.011.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	29.196.010.342	61.670.803.554
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	5.870.654.925	39.561.325.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	799.744.944	3.268.616.061
4. Phải trả người lao động	314		4.910.668.575	4.284.903.469
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		246.952.380	133.745.732
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	72.400.000	11.644.447.864
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.654.207.688	3.354.169.879
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		213.749.166.311	215.009.458.295
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	213.749.166.311	215.009.458.295
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.820.180.618	26.080.472.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		12.578.348.309	15.066.732.504
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.241.832.309	11.013.740.098
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		259.499.805.165	338.927.469.854


Hứa Đặng Thành Luân
 Người lập biểu


Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng


Trịnh Văn Khiêm
 Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.259.035.532.959	2.619.023.527.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	21.040.676.375	18.954.127.289
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	2.237.994.856.584	2.600.069.400.533
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.153.809.720.093	2.519.509.782.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		84.185.136.491	80.559.617.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.303.622.610	3.911.921.338
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	32.394.312.238	24.508.042.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	23.944.953.655	22.397.476.446
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		35.149.493.208	37.566.019.982
11. Thu nhập khác	31		12.272.728	3.593.668.000
12. Chi phí khác	32		25.883	48.709.091
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	12.246.845	3.544.958.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		35.161.740.053	41.110.978.891
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	7.044.836.754	9.068.493.036
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		28.116.903.299	32.042.485.855
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.320	1.448

Hứa Đặng Thành Luân
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.161.740.053	41.110.978.891
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.185.658.325	4.957.183.504
Các khoản dự phòng	03	(1.965.424.687)	1.965.424.687
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(115.500)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.303.622.610)	(5.656.880.247)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.078.235.581	42.376.706.835
Thay đổi các khoản phải thu	09	27.652.136.085	26.765.305.214
Thay đổi hàng tồn kho	10	70.969.878.747	(1.354.868.902)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(75.043.142.502)	67.142.197.091
Thay đổi chi phí trả trước	12	(501.639.004)	3.456.633
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.700.944.766)	(8.360.577.868)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	720.000.000	455.200.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.697.157.474)	(5.559.802.877)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.477.366.667	121.467.616.626
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.030.874.406)	(123.768.800)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	487.090.909
3. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.664.397.609	4.009.518.562
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.633.523.203	4.372.840.671
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(23.868.160.000)	(24.595.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.868.160.000)	(24.595.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	19.242.729.870	101.245.207.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	168.036.031.448	66.790.824.151
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	115.500	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	187.278.876.818	168.036.031.448

Hứa Đặng Thành Luân
 Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
 Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm
 Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 25 tháng 01 năm 2016. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 6 năm 2015 với mã chứng khoán là PSW.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 74 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 61 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

50 / 17 N



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp, Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và bản quyền phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 10 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	109.372.923	134.078.513
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.169.503.895	6.901.952.935
Các khoản tương đương tiền (*)	177.000.000.000	161.000.000.000
	<u>187.278.876.818</u>	<u>168.036.031.448</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng và 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.925.722.234	1.266.527.143
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thạnh	3.217.350.350	238.155.348
Doanh nghiệp tư nhân Tư Long	2.570.998.250	7.952.017.500
Doanh nghiệp tư nhân Tường Dung	2.464.505.900	3.802.900
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	1.750.684.097	393.091.467
Doanh nghiệp tư nhân Trần Thị Ngoan	1.488.343.085	3.518.268.185
Doanh nghiệp tư nhân Kim Hoàng	-	11.977.390.570
Các khách hàng khác	728.083.403	1.108.044.023
	17.145.687.319	26.457.297.136
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	4.925.722.234	1.266.527.143

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	4.450.000.000	22.569.877.500
Các nhà cung cấp khác	81.964.190	57.513.500
	4.531.964.190	22.627.391.000
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	4.450.000.000	22.569.877.500

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	722.388.889	83.163.888
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	-	50.000.000
Phải thu khác	-	195.099.458
	722.388.889	328.263.346
Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	-	122.916.000

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.637.640	-	205.069.015	-
Hàng hoá	6.985.294.893	-	77.751.742.265	(1.965.424.687)
Cộng	6.986.932.533	-	77.956.811.280	(1.965.424.687)

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	25.815.691.083	128.128.000	5.383.810.618	2.624.824.136	33.952.453.837
Mua sắm mới	-	-	1.409.960.000	422.514.406	1.832.474.406
Số dư cuối năm	25.815.691.083	128.128.000	6.793.770.618	3.047.338.542	35.784.928.243
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.592.757.220	58.505	2.436.942.732	2.048.339.610	15.078.098.067
Trích khấu hao trong năm	3.758.631.936	21.354.666	949.410.718	293.318.363	5.022.715.683
Số dư cuối năm	14.351.389.156	21.413.171	3.386.353.450	2.341.657.973	20.100.813.750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	15.222.933.863	128.069.495	2.946.867.886	576.484.526	18.874.355.770
Tại ngày cuối năm	11.464.301.927	106.714.829	3.407.417.168	705.680.569	15.684.114.493

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với giá trị là 2.556.499.590 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.364.505.572 đồng).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
Số dư cuối năm	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.202.712.174	-	1.202.712.174
Trích khấu hao trong năm	161.135.721	-	161.135.721
Số dư cuối năm	1.363.847.895	-	1.363.847.895
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	563.312.826	9.714.364.000	10.277.676.826
Tại ngày cuối năm	402.177.105	9.714.364.000	10.116.541.105

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Văn phòng tại số 13A đường Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Theo Nghị quyết số 12/NQ-TNB ngày 27 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị công ty đã thông qua chủ trương bán tòa nhà 13A Phan Đình Phùng, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản này vẫn chưa được bán và đang tiếp tục cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số có		Số có	
	Số cuối năm VND	khả năng trả nợ VND	Số đầu năm VND	khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	-	57.182.762.974	57.182.762.974
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	28.207.047.068	28.207.047.068	780.931.869	780.931.869
Các nhà cung cấp khác	988.963.274	988.963.274	3.707.108.711	3.707.108.711
	29.196.010.342	29.196.010.342	61.670.803.554	61.670.803.554
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	28.207.047.068		58.064.204.516	

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
	Doanh nghiệp tư nhân Kim Hoàng	2.147.521.640
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thạnh	1.231.154.570	90.300.000
Doanh nghiệp tư nhân Đông Huệ	934.207.000	-
Công ty TNHH Út Nữ	643.402.200	4.140.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Phân bón Tân Thành	138.550.000	4.036.500.000
Công ty TNHH Hữu Thành I	-	7.859.050.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	-	4.005.450.000
Các khách hàng khác	775.819.515	14.977.910.000
	5.870.654.925	39.561.325.000
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	-	3.603.930.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT đầu ra	196.343.781	1.166.883.440	1.127.216.328	236.010.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.945.876.412	7.044.836.754	9.700.944.766	289.768.400
Thuế thu nhập cá nhân	126.395.868	2.079.199.718	1.931.629.935	273.965.651
Tiền thuê đất	-	466.357	466.357	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	3.268.616.061	10.296.386.269	12.765.257.386	799.744.944

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chiết khấu thương mại	-	9.617.283.864
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	72.400.000	1.840.560.000
Phải trả, phải nộp khác	-	186.604.000
	72.400.000	11.644.447.864
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	-	186.604.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> VND	<u>Quỹ Đầu tư phát triển</u> VND	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
Số dư đầu năm trước	170.000.000.000	17.326.861.400	26.966.732.504	214.293.593.904
Lợi nhuận trong năm	-	-	32.042.485.855	32.042.485.855
Trích từ lợi nhuận	-	1.602.124.293	(1.602.124.293)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.826.621.464)	(5.826.621.464)
Trả cổ tức	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Số dư đầu năm nay	170.000.000.000	18.928.985.693	26.080.472.602	215.009.458.295
Lợi nhuận trong năm	-	-	28.116.903.299	28.116.903.299
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(7.277.195.283)	(7.277.195.283)
Trả cổ tức (i)	-	-	(22.100.000.000)	(22.100.000.000)
Số dư cuối năm nay	170.000.000.000	18.928.985.693	24.820.180.618	213.749.166.311

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2016, cổ tức năm 2015 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 25.500.000.000 đồng. Năm 2015, Công ty đã tạm chia cho các cổ đông 13.600.000.000 đồng và trong năm 2016, Công ty đã trả thêm cho các cổ đông 11.900.000.000 đồng. Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 14/NQ-ĐHCĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 cho các cổ đông với tỷ lệ 6%/cổ phiếu (một cổ phiếu nhận được 600 đồng), tổng số cổ tức tạm ứng là 10.200.000.000 đồng. Công ty cũng thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 20% lợi nhuận sau thuế cộng thêm 10% lợi nhuận vượt kế hoạch.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp Số cuối năm VND	Vốn đã góp Số đầu năm VND
	VND	%		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	127.500.000.000	75%	127.500.000.000	127.500.000.000
Các cổ đông khác	42.500.000.000	25%	42.500.000.000	42.500.000.000
	170.000.000.000	100%	170.000.000.000	170.000.000.000

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và số 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu URE Phú Mỹ	1.409.971.915.000	1.579.298.570.000
Doanh thu DAP Phú Mỹ	168.035.622.500	304.985.822.500
Doanh thu Kali Phú Mỹ	399.597.575.000	414.303.637.500
Doanh thu NPK Phú Mỹ	22.652.760.000	122.557.650.000
Doanh thu các loại phân bón khác	236.945.008.300	187.251.570.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	21.832.652.159	10.626.277.322
	2.259.035.532.959	2.619.023.527.822
Chiết khấu thương mại	(21.040.676.375)	(18.954.127.289)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.237.994.856.584	2.600.069.400.533
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	64.107.849.008	51.993.487.894

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn URE Phú Mỹ	1.318.388.152.547	1.491.026.753.210
Giá vốn DAP Phú Mỹ	166.508.376.153	303.265.660.433
Giá vốn Kali Phú Mỹ	391.897.213.346	407.003.584.600
Giá vốn NPK Phú Mỹ	20.325.285.359	120.065.343.494
Giá vốn các loại phân bón khác	235.760.083.606	187.573.084.362
Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn khác	20.930.609.082	10.575.356.895
	2.153.809.720.093	2.519.509.782.994

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.354.386.240	776.283.244
Chi phí nhân công	24.320.150.151	20.539.514.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	5.185.658.325	4.957.183.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.593.712.733	22.549.856.848
Chi phí khác bằng tiền	17.791.885.879	10.636.695.850
	79.245.793.328	59.459.533.965

00
 C
 CH
 IE
 VII
 /G

1/8/2020
 HC
 HE
 S/Kali

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	10.367.070.263	10.212.837.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.378.553.842	3.197.052.252
Các khoản chi phí bán hàng khác	18.648.688.133	11.098.152.643
	32.394.312.238	24.508.042.449
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	11.263.956.649	10.326.676.965
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.680.997.006	12.070.799.481
	23.944.953.655	22.397.476.446

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập khác	12.272.728	3.593.668.000
Tài sản cố định nhận khuyến mãi từ Tổng Công ty và Chi nhánh	-	1.793.668.000
Nhận khuyến mãi voucher PNJ từ Chi nhánh Tổng Công ty	-	1.800.000.000
Thu nhập khác	12.272.728	-
Chi phí khác	25.883	48.709.091
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	48.709.091
Chi phí khác	25.883	-
	12.246.845	3.544.958.909

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	35.161.740.053	41.110.978.891
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	62.443.716	109.444.000
Thu nhập chịu thuế	35.224.183.769	41.220.422.891
Thuế suất	20%	22%
	7.044.836.754	9.068.493.036

25
IG
EM
OI
i
1:11



24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.116.903.299	32.042.485.855
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(5.675.070.990)	(7.428.745.757)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.441.832.309	24.613.740.098
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	17.000.000	17.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.320	1.448

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Chi nhánh Công ty mẹ
Cùng công ty mẹ
Cùng Tập đoàn
Công ty mẹ của cả Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn

11/11/2011

1.800
CỘ
CỘ
ÂN BỐ
HẬT I
TÂY N
IẾU

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.554.475.700.000	1.522.739.600.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	274.954.290.000	820.780.192.755
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	5.526.200.000	-
Mua tài sản cố định		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	-	-
Mua dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.108.080.600	530.085.600
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	518.721.150	336.128.500
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	179.301.279	404.978.852
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	137.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	59.758.600
Chi phí quản lý		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.523.433.174	2.860.160.487
Nhận chiết khấu thương mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	27.318.945.900	20.469.594.500
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	1.566.020.000	7.998.136.363
Phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	431.665.278	429.624.719
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.575.000.000	19.125.000.000
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.618.827.846	3.731.438.571
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ Sợi Dầu khí	42.213.930.000	43.296.070.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.733.187.345	8.352.176.471
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	160.731.663	345.241.423

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.925.722.234	1.266.527.143
	4.925.722.234	1.266.527.143
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.450.000.000	22.569.877.500
	4.450.000.000	22.569.877.500
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	122.916.000
	-	122.916.000
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	28.207.047.068	780.931.869
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	57.182.762.974
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nam	-	47.190.473
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long	-	53.319.200
	28.207.047.068	58.064.204.516
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	-	3.603.930.000
	-	3.603.930.000
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	186.604.000
	-	186.604.000



Hứa Đặng Thành Luân
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

